

Bản án số: 189 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04-10-2018.

V/v tranh chấp “*Ly hôn*”

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Ngọc Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Được;

2. Bà Đào Thị Thu Vân.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Phạm Văn Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2018/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị T1 – sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 66/10 khu phố Đông N, phường L, thị xã T, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Bùi Tấn T – sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 05.7.2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày: Chị và anh Bùi Tấn T tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2012, được cha mẹ hai bên đồng ý, có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, anh T thường hay bỏ nhà đi nên vợ chồng không còn chung sống từ tháng 2 năm 2017 đến nay. Nay tình cảm không còn chị xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập họp lệ anh T đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh vắng mặt và cũng không gợi ý kiến cho Tòa án xem xét. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Mai Thị T xin ly hôn với anh Bùi Tấn T có nơi cư trú ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Bùi Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T1:

Chị T1 và anh T tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau được cha mẹ hai bên đồng ý, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì không còn chung sống cho đến nay. Chị T1 xin ly hôn, Tòa án hòa giải nhiều lần chị cương quyết ly hôn. Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ anh T không đến và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án xem xét, thời gian anh, chị ly thân đã lâu chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T1 xin ly hôn với anh T, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình “ Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không T thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...” do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T1.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: không có.

[6] Về nợ chung: Ghi nhận chị T1 trình bày là không có. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Mai Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1- Về hôn nhân: Chị Mai Thị T được ly hôn với anh Bùi Tấn T.

2- Về con chung: Không có.

3- Về án phí:

Chị Mai Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị T1 đã nộp theo biên lai số 0019798 ngày 19.6.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới. Chị T1 không phải nộp thêm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã H , huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Ngọc Trang**























